

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2022

THƯ MỜI

Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, như sau:

- 1. Thời gian:** Khai mạc lúc 08h30, ngày 24/6/2022 (Đón tiếp từ 08h00’).
- 2. Địa điểm:** Phòng họp Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương
Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.
- 3. Nội dung:** Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:
 - Các báo cáo của HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty.
 - Tờ trình về Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Báo cáo Tài chính năm 2021 đã kiểm toán.
 - Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2022.
 - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021.
 - Báo cáo Thực hiện thù lao năm 2021 và Kế hoạch thù lao năm 2022 của HĐQT và BKS.
 - Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
 - Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
- 4. Thành phần và điều kiện tham dự:**
 - Các Cổ đông/Người được ủy quyền hợp pháp của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của PVTrans-PTT có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V917/2022-PTT/VSD-ĐK chốt ngày 27/5/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
 - Khi đến tham dự cuộc họp, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng mang theo: Thư mời họp, CMND/CCCD, giấy uỷ quyền (nếu được uỷ quyền) để làm thủ tục đăng ký tham dự.

Lưu ý:

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức họp, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự họp theo mẫu gửi kèm Thư mời này gửi về Công ty **trước 17h00’ ngày 21/6/2022** theo địa chỉ: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội) hoặc gửi bằng số fax: 024.35563033.
 - Cổ đông tới dự họp thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định.
- 5.** Thư mời họp, Giấy xác nhận tham dự/Ủy quyền tham dự, Chương trình và tài liệu cuộc họp được đăng tải chi tiết tại website Công ty: <http://pvtrans-ptt.com>.

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để cuộc họp đạt kết quả.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, HNX, VSD (để b/cáo);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT



Lê Mạnh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ CUỘC HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

I. Xác nhận tham dự:

- Tên Cổ đông:
Giấy ĐKKĐ/CMND/CCCD số:.....Ngày cấp:Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại:.....
Đại diện pháp luật (đối với tổ chức):.....
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (*Bằng chữ* :.....)

II. Ủy quyền tham dự:

- Ủy quyền cho:

Ông(bà) :
CMND/CCCD số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Hoặc

Ông Lê Mạnh Tuấn - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Hoặc

Ông Lê Thanh Sơn - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

- Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền (mục II.1) được đại diện cho Bên ủy quyền (mục I.1) thực hiện việc tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại cuộc họp liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

- Thời hạn ủy quyền cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

_____, ngày _____ tháng _____ năm 2022

CỔ ĐÔNG / NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- Cổ đông có thể lựa chọn ủy quyền tham dự cho 1 trong 3 đối tượng trên bằng cách đánh dấu 'X' vào ô trống tương ứng.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức. Trường hợp cổ đông trực tiếp tham dự mà không ủy quyền thì chỉ xác nhận tại Mục I (Xác nhận tham dự).
- Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự **trước 17h00' ngày 21/6/2022** theo cách: gửi thư hoặc gửi trực tiếp đến Công ty hoặc gửi bằng số Fax: 024.35563033.
- Khi đến tham dự họp ĐHĐCĐ Quý vị được ủy quyền vui lòng mang theo giấy này (*bản gốc*).

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Thời gian: Dự kiến Khai mạc lúc 08h30' thứ Sáu, ngày 24/6/2022 (đón tiếp từ 08h00').

Địa điểm: Phòng họp Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương, Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

I	ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU (08h00 – 08h30).
1	Đón tiếp Cổ đông, đại biểu tham dự đại hội. Kiểm tra tư cách Cổ đông. Tiến hành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội. Phát tài liệu và Phiếu biểu quyết cho cổ đông.
II	KHAI MẠC ĐẠI HỘI (08h30 - 08h45)
1	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2	Khai mạc Đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.
3	Giới thiệu danh sách Chủ tọa Đại hội, Ban Thư ký, bầu ban Ban Kiểm phiếu.
4	Thông qua Chương trình nghị sự.
5	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử và thể lệ biểu quyết tại Đại hội.
III	NỘI DUNG ĐẠI HỘI (08h45 - 11h00)
1	Báo cáo thực hiện SXKD năm 2021 và KH nhiệm vụ SXKD năm 2022 của Giám đốc
2	Báo cáo Hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng Quản trị
3	Tờ trình về Thông qua Kết quả SXKD năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
4	Báo cáo Hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát.
5	Tờ trình về Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022
6	Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021.
7	Tờ trình về Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022
8	Tờ trình về Thực hiện thù lao năm 2021 và Kế hoạch thù lao năm 2022 của HĐQT và BKS.
9	Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có)
10	Thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội.
IV	TỔNG KẾT ĐẠI HỘI (11h00 – 11h30)
1	Báo cáo kết quả kiểm phiếu của Đại hội.
2	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
3	Bế mạc Đại hội.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Thay mặt Ban điều hành, Giám đốc Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) xin báo cáo trước Đại hội kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Thuận lợi.

- Công ty PVTrans-PTT tiếp tục nhận sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cổ đông lớn Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (*Tổng Công ty PVTrans*) trong việc định hướng từng bước chuyển sang lĩnh vực khai thác vận tải biển tạo cho Công ty có hướng phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.
- Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVTrans nên luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tổng Công ty PVTrans cùng sự hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; đặc biệt Tổng Công ty PVTrans đã điều động, tăng cường NDDPV và CBQL tham gia bộ máy lãnh đạo cấp cao tại Công ty và đây là điểm thay đổi quan trọng trong việc tạo ra sự chuyển biến tích cực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Tập thể lãnh đạo, cán bộ, đảng viên, người lao động trong Công ty luôn giữ được sự đoàn kết và thống nhất cao trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể.

1.2. Khó khăn.

Trong quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp và chuyển dịch sang phát triển lĩnh vực kinh doanh vận tải biển từ năm 2021, đơn vị gặp phải những khó khăn như sau:

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 bùng phát tại Việt Nam cho đến cuối năm 2021 vẫn còn những diễn biến phức tạp, kéo dài cho nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến dịch vụ vận chuyển/ cho thuê bồn chứa CNG và các hoạt động cho thuê xe văn phòng, đối tác yêu cầu cắt giảm nhu cầu sử dụng và giảm giá cho thuê, lĩnh

vực kinh doanh xe chuyển gần như không hoạt động nhiều tháng trong năm 2021 trong khi vẫn phải duy trì bộ máy quản lý.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây không cao nên rất khó khăn trong việc thuyết phục các cổ đông lớn/ Thành viên HĐQT khác đồng thuận, hợp tác kịp thời với mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo định hướng của cổ đông lớn Tổng công ty PVTrans.
- Bộ máy công kênh, văn phòng làm việc nhiều nơi tại Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, tỉnh Thái Bình, chi phí quản lý doanh nghiệp cao.
- Chất lượng nhân sự và hệ thống quản trị - quản lý chưa đáp ứng kịp với yêu cầu của thị trường, công tác đầu tư và khai thác tàu biển tuyến hàng hải quốc tế; 1 số CBNV chưa có sự quyết tâm thay đổi văn hoá, tư duy xử lý - giải quyết tình huống, vẫn làm việc theo lối mòn và đặc biệt còn tồn tại tư tưởng cho rằng mình đã làm rất tốt công việc trong nhiều năm qua, nên đôi khi còn tình trạng ỷ lại vào lãnh đạo, thực hiện chỉ đạo của cấp trên còn thiếu quyết tâm, không kịp thời, né tránh – đùn đẩy trách nhiệm, giữ quan điểm bảo thủ, thiếu sự phối hợp - hợp tác trong giải quyết công việc chung và chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn đổi mới toàn diện doanh nghiệp.
- Chính sách tiền lương và quy mô Công ty chưa đủ hấp dẫn để tuyển dụng được nhân sự có năng lực về lĩnh vực vận tải biển làm việc và gắn bó lâu dài với đơn vị,

2. Tình hình sản xuất kinh doanh

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
I	Doanh thu	175,00	179,94	103%
1	Lĩnh vực vận tải biển	25,73	0	
2	Lĩnh vực cho thuê xe VP	93,10	121,18	130%
3	Lĩnh vực vận chuyển CNG và cho thuê bồn	17,64	17,58	100%
4	Lĩnh vực thương mại	21,67	34,91	161%
5	Dịch vụ khác	15,00	2,86	19%
6	Thu nhập khác	1,86	1,12	60%
7	Hoạt động tài chính	0	2,29	
II	Chi phí	165,00	175,37	106%
III	Lợi nhuận trước thuế	10,00	4,57	46%
IV	Nộp NS nhà nước	5,53	8,018	145%

2.2. Đánh giá kết quả SXKD năm 2021:

Trên cơ sở nhận định được tình hình tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp và diễn biến của dịch bệnh Covid-19 phức tạp, khó lường sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động SXKD, ngay từ đầu năm đơn vị đã chủ động đánh giá những thuận lợi, khó khăn, từ đó đưa ra các giải pháp tháo gỡ, đề ra phương án kinh doanh phù hợp để cố gắng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã trình Đại hội đồng cổ đông.

Đánh giá chung trong năm 2021, hoạt động SXKD của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, không lĩnh vực kinh doanh hiện hữu nào bị lỗ. Cụ thể: Tổng doanh thu và thu nhập của công ty đạt 179,94/175 tỷ đồng bằng 103% so với kế hoạch; về lợi nhuận trước thuế Công ty đã nỗ lực thực hiện được 4,57 tỷ đồng đạt 45.7% kế hoạch. Đánh giá về các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Lĩnh vực vận tải biển: trong năm qua Công ty chưa thể triển khai hoạt động kinh doanh lĩnh vực vận tải biển do quá trình triển khai các bước trình phê duyệt đầu tư chưa đạt kế hoạch đề ra, cũng như diễn biến thị trường tàu chưa phù hợp hoàn thành đầu tư dự án tàu chở dầu/ hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT trong năm 2021.
- Lĩnh vực vận chuyển và cho thuê bồn chứa CNG: Dịch bệnh Covid 19 tại Việt Nam làm cho khách hàng cắt giảm sản lượng tiêu thụ CNG và đã làm ảnh hưởng đến hoạt động vận chuyển – cho thuê bồn chứa CNG. Kết quả thực hiện năm 2021, Công ty hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu doanh thu vận chuyển – cho thuê bồn chứa CNG. *Để đạt được kết quả trên Công ty đã kịp thời tái cấu trúc toàn diện Chi nhánh Thái Bình (thị trường, kiện toàn lại tổ chức và phân công lại lao động phù hợp, tiết giảm chi phí quản lý,) từ đó DT/ LN của lĩnh vực vận chuyển CNG đã hoàn thành vượt kế hoạch và bù đắp 1 phần thiếu hụt so với kế hoạch của lĩnh vực cho thuê bồn chứa CNG và tạo tiền đề nâng hiệu quả hoạt động của lĩnh vực vận chuyển CNG từ năm 2022 ít nhất 200 triệu đồng/ 1 năm.*
- Lĩnh vực kinh doanh cho thuê xe văn phòng: Dịch bệnh Covid 19 tại Việt Nam đã làm cho hoạt động kinh doanh cho thuê xe văn phòng gặp nhiều khó khăn, các hợp đồng định hạn đều bị đề nghị giảm giá, trả bớt xe – nhân sự lái xe và hoạt động cho thuê xe chuyên gần như dừng hoạt động rất nhiều tháng trong năm. Kết quả thực hiện năm 2021 doanh thu đạt 121,18 tỷ đồng/ 93 tỷ đồng (ước đạt 130% so với kế hoạch 146% so với kế hoạch). *Để đạt được kết quả trên, Công ty cũng đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp như dừng công tác thanh lý toàn bộ xe của Công ty sở hữu để tiếp tục khai thác và tìm kiếm các đối tác tiềm năng hợp tác kinh doanh cho thuê những xe nằm bãi chờ thanh lý hoặc 1 số xe bị đối tác trả về khi hợp đồng hết hạn; đơn vị chỉ bán thanh lý thu hồi vốn đối với những xe không thể tiếp tục kinh doanh, khai thác được.*
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: kết quả thực hiện doanh thu dự kiến đạt 34.91 tỷ đồng/ kế hoạch 21,66 tỷ đồng (đạt 161% so với kế hoạch).

- Lĩnh vực dịch vụ khác: doanh thu thực hiện 2,86 tỷ đồng so với kế hoạch 15 tỷ đồng đạt 19% kế hoạch, lợi nhuận gộp thực hiện 2,07 tỷ đạt 50% so với kế hoạch.
- Ngoài ra, công ty đã thực hiện tối ưu doanh thu tài chính từ dòng tiền nhân rồi khi chưa thực hiện đầu tư, đảm bảo an toàn, hiệu quả và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã thu về 2,29 tỷ đồng tiền từ doanh thu hoạt động tài chính. Đồng thời công ty đã thu xếp để hoàn trả trước hạn các hợp đồng tín dụng của các dự án vay tài trợ đầu tư trước đây (dự án bồn composit và các dự án đầu tư xe ô tô cho thuê) để giảm chi phí tài chính xuống còn 114 triệu đồng.

II. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, công tác an sinh xã hội, hoạt động của tổ chức đoàn thể

- 1. Công tác lao động:** Số lao động tại thời điểm báo cáo gồm 196 lao động.
- 2. Công tác đào tạo:** Công ty cử cán bộ tham dự tập huấn nghiệp vụ Đánh giá nội bộ Công ty (IA) và Cán bộ phụ trách duy trì hệ thống quản lý an toàn Công ty(DPA).
- 3. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các đoàn thể**

Công ty đã phối hợp cùng với Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động hoạt động an sinh xã hội, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân, tương ái và các hoạt động chăm lo đời sống cho CBNV, lái xe của Công ty như: tổ chức sinh nhật hàng quý cho CBNV - lái xe; gặp mặt nữ CBNV nhân dịp ngày 8/3, 20/10; gặp mặt nguyên lãnh đạo qua các thời kỳ nhân dịp Tết Nguyên đán; thăm hỏi CBNV - lái xe trong Công ty trong các trường hợp hiếu hi, ốm đau, phẫu thuật; động viên hỗ trợ kịp thời bằng vật chất cho các trường hợp bị nhiễm Covid-19 (F0)... Qua đó góp phần tạo môi trường làm việc đoàn kết, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động tích cực làm việc.

III. Công tác đầu tư

Ngày 22/9/2021, Dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT đã được ĐHCĐ phê duyệt hiện Công ty đang triển khai thực hiện với mục tiêu hoàn thành và đưa vào khai thác trong Quý 2/2022 .

PHẦN II

KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch năm 2022

Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển Công ty là chuyển đổi sang lĩnh vực kinh doanh vận tải biển đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua chủ trương; Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp trong năm 2022 gồm những nội dung chính sau đây:

1. Chủ động theo dõi đánh giá sát với diễn biến thị trường mua bán tàu S&P, thị trường khai thác tàu, rà soát kiện toàn thủ tục đầu tư triển khai đầu tư kịp thời

mua tàu chở dầu/ hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT trong đầu năm 2022 và đưa tàu vào khai thác có hiệu quả ngay sau đầu tư.

2. Tập trung tái đào tạo chuyển đổi đội ngũ cán bộ hiện nay kết hợp tuyển dụng, đào tạo cán bộ quản lý khai thác và quản lý kỹ thuật tàu biển để đáp ứng yêu cầu đầu tư và quản lý khai thác có hiệu quả tàu chở dầu/ hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT ngay sau đầu tư.
3. Tiếp tục từng bước chuyển dịch lĩnh vực kinh doanh chính sang vận tải tàu biển và duy trì hiệu quả lĩnh vực kinh doanh truyền thống (cho thuê xe văn phòng, vận chuyển CNG và cho thuê bồn chứa CNG) trên cơ sở giữ vững các hợp đồng cho thuê dài hạn để khai thác hiệu quả tài sản đã đầu tư trước đây.
4. Tổ chức đánh giá phân loại tài sản để kịp thời xử lý tài sản xấu thu hồi vốn cho chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh chính, đồng thời tập trung thu hồi công nợ quá hạn và nợ khó đòi.
5. Tìm kiếm, phát triển thêm các lĩnh vực kinh doanh mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
6. Tăng cường chỉ đạo tiết giảm chi phí, rà soát xây dựng lại toàn bộ hệ thống định mức kỹ thuật, nâng cao hiệu quả SXKD trên toàn các lĩnh vực.
7. Theo dõi tình hình dịch bệnh Covid-19, chủ động xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm duy trì các hoạt động SXKD diễn ra liên tục và bảo đảm an toàn sức khoẻ của CBCNV, thuyền viên.
8. Xây dựng và chuẩn hoá môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp trong toàn Công ty; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

1. Các chỉ tiêu tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	XD Kế hoạch năm 2022
I	Doanh thu	Tỷ.đ	179,94	215,00
1	Lĩnh vực vận tải biển	Tỷ.đ		81,09
2	Lĩnh vực cho thuê xe VP	Tỷ.đ	121,18	110,81
3	Lĩnh vực vận chuyển CNG và cho thuê bồn	Tỷ.đ	17,58	15,95
4	Lĩnh vực thương mại + khác	Tỷ.đ	41,18	7,15
II	Chi phí	Tỷ.đ	175,37	210,00
III	Lợi nhuận			
	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	Tỷ.đ	4,57	5,00
	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	Tỷ.đ	3,85	4,00
IV	Nộp NS nhà nước	Tỷ.đ	8,02	13,67

2. Chỉ tiêu đầu tư năm 2022

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt trong năm 2021	
	Dự án đầu tư tàu chở dầu/ hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22/9/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)	166,575
	Cộng	166,575

III. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

Trên cơ sở đánh giá bối cảnh chung của ngành vận tải biển, vận tải đường bộ cũng như phân tích những khó khăn, thách thức, nắm bắt xu thế và dự báo thị trường; Công ty đã xây dựng và đưa ra một số giải pháp để ứng phó với các khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2022 như sau:

1. Giải pháp về thị trường, định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đối với lĩnh vực vận tải biển:

- + Tuyển dụng, kiện toàn chuẩn bị tốt bộ máy quản lý – khai thác tàu biển sẵn sàng các điều kiện cần thiết để đảm bảo khai thác ngay sau khi hoàn thành đầu tư tàu như: thuê đơn vị quản lý kỹ thuật và kết hợp cùng team khai thác của Tổng Công ty PVTrans, cùng các đơn vị thành viên PVTrans để chủ động tự khai thác cho thuê T/C chạy tuyến quốc tế nhằm đảm bảo duy trì hiệu quả tốt nhất cho dự án.
- + Phát triển mối quan hệ khách hàng, thị trường và mạng lưới các nhà môi giới nhằm tạo tiền đề phát triển đội tàu về lượng và chất. Bám sát thị trường để xây dựng các kịch bản khai thác tàu theo từng cấp độ và từng giai đoạn theo thị trường, diễn biến của đại dịch Covid – 19 tại các khu vực khai thác.
- + Tăng cường hợp tác với các chủ hàng, nhà môi giới, các chủ tàu, liên doanh - liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

- Đối với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống:

- + Tổ chức quản lý điều hành phương tiện ô tô phục vụ tốt nhất các hợp đồng cho thuê xe văn phòng hiện hữu đảm bảo duy trì hiệu quả lĩnh vực cho thuê xe và cung cấp lao động (lái xe).
- + Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả hoạt động kinh doanh vận chuyển và cho thuê bồn chứa CNG, bám sát nhu cầu vận chuyển của Công ty CNG Việt Nam để nắm bắt các cơ hội bổ sung năng lực vận chuyển bằng xe và bồn của các đơn vị vệ tinh nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận trong lĩnh vực này.

- **Đối với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh mới:** Tiếp tục tìm kiếm và phát triển các mảng dịch vụ, kinh doanh khác để góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị như: dự án vận chuyên LNG, logistic – kho bãi, kinh doanh thương mại, ...

2. Giải pháp về quản lý kỹ thuật tàu biển

- Năm 2022, Công ty sẽ tìm kiếm và thuê đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật và thuyền viên có uy tín, tự tuyển dụng một số vị trí chủ chốt về kỹ thuật để đảm bảo theo dõi, học tập và từng bước tự quản lý kỹ thuật sau 2-3 năm trực tiếp khai thác tàu biển.
- Công ty phối hợp cùng đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu:
 - + Thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm soát tàu theo qui định hệ thống quản lý an toàn ISM code, đảm bảo các tàu luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng nhu cầu khai thác, các yêu cầu của cơ quan Đăng kiểm và các hãng dầu trên thế giới.
 - + Quản lý và kiểm soát chặt chẽ ngân sách từng tàu nhằm đảm bảo không vượt kế hoạch.
 - + Nâng cao chất lượng thuyền viên, dịch vụ như không để xảy ra lỗi off-hire dừng tàu do lỗi kỹ thuật, cũng như phối hợp với người thuê trong việc điều động để công tác khai thác tàu đạt hiệu quả cao nhất.

3. Giải pháp về đầu tư.

- Theo dõi, đánh giá diễn biến thị trường mua bán tàu 13.000 DWT để triển khai đầu tư kịp thời trong đầu năm 2022 và sớm đưa vào khai thác trong Quý II/2022.

4. Giải pháp về tổ chức, quản lý, lao động tiền lương.

- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm, thời điểm hoàn thành đầu tư tàu 13.000 DWT và định biên lao động, Công ty sẽ thực hiện việc tuyển dụng/ rà soát, tinh gọn bộ máy và bố trí công việc phân công, điều động nhân sự nội bộ phù hợp với việc nâng cao hiệu quả sử dụng nhân sự.
- Áp dụng có chọn lọc mô hình quản lý của các công ty vận tải quốc tế với mô hình kết hợp sử dụng dịch vụ quản lý tàu của các đơn vị chuyên nghiệp để đảm bảo khai thác tàu an toàn đáp ứng yêu cầu của các khách hàng.
- Tuyển dụng và gửi đi đào tạo các nhân sự quản lý kỹ thuật – khai thác tàu biển tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVTrans để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho kế hoạch tham gia quản lý kỹ thuật - thuyền viên để chủ động phục vụ công tác khai thác kịp thời tại đơn vị.
- Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút được nhân sự có năng lực đáp ứng được yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ đổi mới.
- Tạo điều kiện và động viên, khuyến khích cán bộ Công ty tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu công việc, nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, năng lực cạnh tranh...
- Thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản.

5. Giải pháp về tài chính.

- Trên cơ sở uy tín, khả năng tiếp cận vốn tín dụng, đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn vay cho dự án đầu tư tàu với chi phí sử dụng vốn vay phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của dự án đầu tư.
- Chủ động làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay vốn lưu động để sẵn sàng sử dụng khi thiếu hụt dòng tiền phục vụ mua vật tư, hoạt động khai thác tàu và các hoạt động kinh doanh truyền thống tại đơn vị.
- Tăng cường và đẩy nhanh việc thu hồi công nợ phải thu, cân đối nguồn tiền đảm bảo cho hoạt động SXKD.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của Công ty CP VTDK Đông Dương.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		So sánh
			Kế hoạch	Ước thực hiện	TH/KH
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	175,000	179,940	103%
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	136,478	138,759	102%
1.1	LV Vận tải biển	Tr.đồng	25,733		
-	<i>KD khai thác tàu đầu tư</i>	Tr.đồng	25,733		
-	<i>Kinh doanh khai thác tàu Bareboat</i>	Tr.đồng			
1.2	LV cho thuê xe VP	Tr.đồng	93,102	121,180	130%
-	<i>Cho thuê xe VPHN</i>	Tr.đồng	4,788	10,181	213%
-	<i>Cho thuê xe VPHCM</i>	Tr.đồng	88,314	110,999	126%
1.3	LV Vận tải ĐK & cho thuê bồn chứa CNG	Tr.đồng	17,643	17,579	100%
-	<i>Vận chuyển đầu kéo CNG</i>	Tr.đồng	5,163	7,250	140%
-	<i>Cho thuê bồn CNG</i>	Tr.đồng	12,480	10,329	83%
2	Lĩnh vực thương mại và dịch vụ khác	Tr.đồng	21,662	34,911	161%
3	Từ dịch vụ khác/ hoạt động khác	Tr.đồng	15,000	2,860	
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng		2,292	
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	1,860	1,118	60%
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	165,000	175,368	106%
II.1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	150,669	167,553	111%
1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	119,011	131,851	111%
1.1	LV Vận tải biển	Tr.đồng	15,159		
-	<i>KD khai thác tàu đầu tư</i>	Tr.đồng	15,159		
-	<i>Kinh doanh khai thác tàu Bareboat</i>	Tr.đồng			
1.2	LV cho thuê xe VP	Tr.đồng	89,778	116,320	130%
-	<i>Cho thuê xe VPHN</i>	Tr.đồng	3,982	8,989	226%
-	<i>Cho thuê xe VPHCM</i>	Tr.đồng	85,796	107,331	125%
1.3	LV Vận tải ĐK & cho thuê bồn chứa CNG	Tr.đồng	14,074	15,531	110%
	<i>Vận chuyển đầu kéo CNG</i>	Tr.đồng	4,362	5,843	134%
	<i>Cho thuê bồn CNG</i>	Tr.đồng	9,712	9,688	100%
2	Lĩnh vực thương mại và dịch vụ khác	Tr.đồng	21,658	34,909	161%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		So sánh
			Kế hoạch	Ước thực hiện	TH/KH
3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	10,000	793	
4	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	7,002	114	2%
4.1	- Chi phí lãi vay	Tr.đồng	7,002	114	2%
	+ Vận tải CNG	Tr.đồng		57	
	+ Xe văn phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	133	57	43%
	+ Kinh doanh khai thác tàu	Tr.đồng	6,869		
4.2	- Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng			
	Trong đó: CLTG đánh giá lại	Tr.đồng			
4.3	- Chi phí tài chính khác	Tr.đồng			
5	Chi phí bán hàng	Tr.đồng			
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	7,329	7,676	105%
7	Chi phí khác	Tr.đồng		25	
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10,000	4,572	46%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8,000	3,845	48%
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	5,535	8,018	145%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	2	3	4
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	215,000
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	207,854
1.1	LV Vận tải biển	Tr.đồng	81,093
-	<i>KD khai thác tàu đầu tư</i>	Tr.đồng	48,656
-	<i>Kinh doanh khai thác tàu Bareboat</i>	Tr.đồng	32,437
1.2	LV cho thuê xe VP	Tr.đồng	110,812
-	<i>Cho thuê xe VPHN</i>	Tr.đồng	7,789
-	<i>Cho thuê xe VPHCM</i>	Tr.đồng	103,023
1.3	LV Vận tải ĐK & cho thuê bồn chứa CNG	Tr.đồng	15,949
-	<i>Vận chuyển đầu kéo CNG</i>	Tr.đồng	5,794
-	<i>Cho thuê bồn CNG</i>	Tr.đồng	10,155
2	Từ dịch vụ thương mại và dịch vụ khác	Tr.đồng	5,406
3	Từ dịch vụ khác/ hoạt động khác	Tr.đồng	
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	200
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	1,540
	<i>- Trong đó: thu từ thanh lý TSCĐ</i>	Tr.đồng	1,540
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	210,000
II.1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	195,267
1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	190,615
1.1	LV Vận tải biển	Tr.đồng	69,007
-	<i>KD khai thác tàu đầu tư</i>	Tr.đồng	39,195
-	<i>Kinh doanh khai thác tàu Bareboat</i>	Tr.đồng	29,812
-	<i>DV Vận tải biển</i>	Tr.đồng	-
1.2	LV cho thuê xe VP	Tr.đồng	107,094
-	<i>Cho thuê xe VPHN</i>	Tr.đồng	7,221
-	<i>Cho thuê xe VPHCM</i>	Tr.đồng	99,873
1.3	LV Vận tải ĐK & cho thuê bồn chứa CNG	Tr.đồng	14,514
	<i>Vận chuyển đầu kéo CNG</i>	Tr.đồng	5,060

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
	<i>Cho thuê bồn CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>9,454</i>
2	Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác	Tr.đồng	4,652
3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	
4	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	5,985
4.1	- Chi phí lãi vay	<i>Tr.đồng</i>	<i>5,985</i>
	+ Vận tải CNG	<i>Tr.đồng</i>	
	+ Xe văn phòng cho thuê tại HCM	<i>Tr.đồng</i>	<i>922</i>
	+ Kinh doanh khai thác tàu	<i>Tr.đồng</i>	<i>5,063</i>
5	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	8,748
7	Chi phí khác	Tr.đồng	
	- Trong đó: chi phí từ thanh lý TSCĐ	<i>Tr.đồng</i>	
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5,000
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4,000
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	13,674

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Kính thưa Quý vị cổ đông của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị hiện tại của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương bao gồm 06 thành viên, cụ thể như sau:

- Ông Lê Mạnh Tuấn – Chủ tịch HĐQT.
- Ông Đỗ Đức Hùng - Ủy viên HĐQT.
- Ông Lê Thanh Sơn – Giám đốc Công ty, Ủy viên HĐQT (được bầu làm thành viên HĐQT ngày 13/01/2021).
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Ủy viên HĐQT.
- Ông Trần Hải Đăng – Ủy viên HĐQT (được bầu làm thành viên HĐQT ngày 21/7/2021).
- Ông Lưu Mạnh Thắng – Ủy viên HĐQT (được bầu làm thành viên HĐQT ngày 22/9/2021).

Trong năm 2021 có sự thay đổi về thành viên HĐQT, cụ thể:

- Ông Lê Thanh Sơn được bầu làm thành viên HĐQT thay ông Nguyễn Quang Huy từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân từ ngày 13/01/2021.
- Ông Trần Hải Đăng được bầu làm thành viên HĐQT thay ông Hoàng Trung Hưng từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân từ ngày 21/7/2021.
- Ông Lưu Mạnh Thắng được bầu làm thành viên HĐQT thay ông Hoàng Trung Hưng từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân từ ngày 22/9/2021.

2. Hoạt động của HĐQT Công ty:

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn và thử thách khi dịch bệnh Covid19 tiếp tục bùng phát, gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế cả nước nói chung và Công ty nói riêng. Nhận thức sâu sắc những thuận lợi, khó khăn mà Công ty sẽ gặp phải, Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định hiện hành và tình hình thực tế để đưa ra chủ trương phù hợp.

HDQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, định hướng và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng an toàn và hiệu quả các nguồn lực, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty để thực hiện các nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, HDQT đã phối hợp với Ban Giám đốc để tìm kiếm giải pháp, tháo gỡ khó khăn trong SXKD.

HDQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết của HDQT. Trong năm 2021, các thành viên HDQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. HDQT đã có chỉ đạo kịp thời và phối hợp chặt chẽ với Giám đốc Công ty. Theo Báo cáo Tài chính năm 2021, kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty đạt được như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	175,000	179,940	103
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,000	4,572	46
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,000	3,845	48
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	5,535	8,018	145
5	Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	166.575	Đang thực hiện	-

3. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Trong năm, các thành viên HDQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT, cụ thể như sau:

- 1) Ông Lê Mạnh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
 - Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Lãnh đạo chung, giám sát tất cả các hoạt động trong hệ thống của Công ty, triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
 - Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để thực hiện, đề trình, đề báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.
 - Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nhiệm vụ khác của Hội đồng Quản trị.

- Thay mặt Hội đồng Quản trị tổ chức, chỉ đạo thực hiện quản lý nguồn vốn, thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
- Chiến lược, định hướng phát triển công ty.
- Công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.
- Công tác tổ chức nhân sự.
- Công tác tài chính.
- Thực hiện các công việc khác không phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Điều hành hoạt động của HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Cùng với các thành viên HĐQT tích cực chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành đưa ra các giải pháp thiết thực, quyết liệt và kịp thời.
- Luôn chú trọng công tác kiểm tra giám sát, HĐQT đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

2) Ông Đỗ Đức Hùng – Ủy viên Hội đồng Quản trị:

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Công tác Kế hoạch Sản xuất kinh doanh.
- Công tác đầu tư, thanh lý tài sản.
- Theo dõi, chỉ đạo hoạt động Sản xuất kinh doanh.
- Theo dõi, chỉ đạo công tác quản trị nội bộ.
- Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong Công ty.
- Theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo của cổ đông PVTrans, nghị quyết quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
- Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
- Tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3) Ông Lê Thanh Sơn – Ủy viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty:

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Phụ trách pháp lý, chính sách, là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT về công tác bảo toàn và phát triển vốn.
- Trực tiếp thực hiện tổ chức, chỉ đạo, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Báo cáo tình hình hoạt động và kết quả hoạt động SXKD cho Công ty theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Có tinh thần trách nhiệm, chủ động và quyết liệt nỗ lực trong công tác điều hành.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

4) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Ủy viên Hội đồng Quản trị:

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Kiểm soát dòng tiền, tính thanh khoản.
- Các công việc liên quan đến thu xếp vốn đầu tư.
- Kiểm soát công nợ.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Tham gia các buổi họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

5) Ông Trần Hải Đăng – Ủy viên Hội đồng Quản trị:

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Phụ trách công tác đào tạo.
- Phát triển các dịch vụ, công việc của PVOil tại Công ty.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Tham gia các buổi họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

6) Ông Lưu Mạnh Thắng - Ủy viên Hội đồng Quản trị:

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chế độ tiền lương.
- Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.
- Phát triển các dịch vụ, công việc của PVTrans tại Công ty.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

Năm 2021, Thù lao của HĐQT và BKS được trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 phê duyệt, cụ thể như sau:

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm được trả theo mức: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng; Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng; Đối với BKS kiêm nhiệm: Trưởng ban: 1.500.000 đồng/người/tháng; thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số thù lao kiêm nhiệm thực hiện trong năm 2021 đối với thành viên HĐQT (9 người trong đó có 3 người nhận nhiệm vụ 12 tháng, 1 người nhận nhiệm vụ 9 tháng; 1 người nhận nhiệm vụ 3 tháng, 1 người nhận nhiệm vụ 11,5 tháng, 1 người nhận nhiệm vụ 0,5 tháng và 2 người nhận nhiệm vụ 6 tháng) và thành viên BKS (04 người trong đó có 2 người nhận nhiệm vụ 12 tháng, 1 người nhận nhiệm vụ 9 tháng và 01 người nhận nhiệm vụ 3 tháng): 174.000.000 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).
- Năm 2021, không phát sinh chi phí hoạt động của HĐQT và BKS.

5. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành:

- Trong năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD theo quy định gồm: báo cáo tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; Báo cáo tài chính quý, năm 2021, các báo cáo khác và thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- HĐQT cũng tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành và các cuộc họp khác. Các ý kiến khuyến nghị của Ban Kiểm soát cũng được HĐQT xem xét cẩn trọng phát huy mặt tích cực và tìm giải pháp khắc phục tồn tại.

- Năm 2021, Dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trongjt ải khoảng 13.000 DWT được ĐHCĐ thông qua ngày 22/9/2021, hiện vẫn đang trong quá trình thực hiện dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác trong Quý 2/2022.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động, xây dựng được một tập thể đoàn kết, nhiệt huyết vì sự phát triển của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

Năm 2021, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty nỗ lực trong công tác điều hành và tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. Tuy nhiên năm 2021, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được theo kế hoạch ĐHCĐ đã giao.

6. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2021:

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 19 cuộc họp định kỳ, đột xuất và xin ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 28 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

Các Nghị quyết, quyết định trong năm 2021 của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	13/01/2021	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
2	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	13/01/2021	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
3	01/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/01/2021	Họp thường kỳ Q1/2021
4	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/01/2021	Miễn nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Quang Huy
5	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/01/2021	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Lê Thanh Sơn.
6	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/01/2021	Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Lê Thanh Sơn.
7	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	23/02/2021	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2021.
8	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	29/03/2021	Tạm thời thông qua và giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.
9	07/NQ-VTDKĐD-HĐQT	29/03/2021	Chấp thuận chủ trương thực hiện linh hoạt kinh doanh đối với các xe hiện có hợp đồng với khách hàng và chủ trương thanh lý 04 xe không khai thác được.
10	08/NQ-VTDKĐD-HĐQT	15/4/2021	Thông qua các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	09/NQ-VTDKĐD-HĐQT	17/4/2021	Tạm hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
12	10/NQ-VTDKĐD-HĐQT	19/4/2021	Phê duyệt giá bán thanh lý 04 xe ô tô không khai thác được.
13	11/NQ-VTDKĐD-HĐQT	25/6/2021	Cập nhật Chương trình nghị sự và văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
14	12/NQ-VTDKĐD-HĐQT	18/7/2021	Tạm hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (lần 2)
15	13/NQ-VTDKĐD-HĐQT	21/7/2021	Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 của PTT
16	14/NQ-VTDKĐD-HĐQT	22/7/2021	Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi DAĐT 1 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000DWT
17	15/NQ-VTDKĐD-HĐQT	05/8/2021	Phê duyệt Phương án bán thanh lý 6 xe ô tô hết hạn hợp đồng không khai thác được
18	16/NQ-VTDKĐD-HĐQT	07/9/2021	Phê duyệt chuyển địa điểm trụ sở Công ty
19	17/NQ-VTDKĐD-HĐQT	23/9/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT
20	18/NQ-VTDKĐD-HĐQT	24/9/2021	Giao chỉ tiêu KH SXKD năm 2021
21	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/9/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
22	04/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	24/9/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
23	19/NQ-VTDKĐD-HĐQT	24/9/2021	Phê duyệt DAĐT – Báo cáo NCKT DAĐT 1 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000DWT.
24	20/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/10/2021	Phê duyệt Phương án vay vốn và lựa chọn Ngân hàng tài trợ vốn vay cho DAĐT 1 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000DWT.
25	21/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/10/2021	Phê duyệt Kế hoạch mua 1 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000DWT.
26	22/NQ-VTDKĐD-HĐQT	29/10/2021	Công tác cán bộ tại Chi nhánh Thái Bình
27	05/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	01/11/2021	Công tác cán bộ của Chi nhánh Thái Bình.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
28	23/NQ-VTDKĐD-HĐQT	15/11/2021	Lựa chọn Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2021.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	215,000
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	210,000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,000
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	13,674
6	Kế hoạch Đầu tư XDCB: tiếp tục thực hiện dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000DWT	Tỷ đồng	166,575

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của HĐQT:

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng KH SXKD năm 2022 trình ĐHĐCĐ thông qua.

Chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện KH SXKD năm 2022 sau khi được ĐHĐCĐ Công ty thông qua, trong đó chú trọng chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

- Duy trì và tổ chức thực hiện hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh truyền thống (cho thuê xe văn phòng, vận chuyển CNG và cho thuê bồn chức CNG...) trên cơ sở giữ vững các hợp đồng cho thuê dài hạn, khai thác tốt, hiệu quả tài sản đầu tư. Tăng cường chỉ đạo tiết giảm chi phí, rà soát xây dựng lại toàn bộ hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả trong từng loại hình kinh doanh.
- Từng bước chuyển dịch lĩnh vực kinh doanh chính sang dịch vụ vận tải tàu biển theo định hướng chiến lược và kế hoạch tái cấu trúc đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Triển khai các dự án đầu tư trong kế hoạch đã được duyệt đảm bảo tiến độ, hiệu quả, đúng quy định pháp luật; Quản lý và cân đối vốn đầy đủ đảm bảo đủ cho các dự án đầu tư và hoạt động thường xuyên của Công ty.
- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch cụ thể về phương án quản lý và kinh doanh khai thác tàu, tuyển dụng và đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý khai thác và quản lý kỹ thuật tàu đáp ứng các yêu cầu công việc, đảm bảo quản lý và khai thác tàu Coogn ty đầu tư an toàn và hiệu quả; Ưu tiên tái đào tạo chuyển đổi đội ngũ lao động hiện tại kết hợp với tuyển dụng bổ sung mới để đáp ứng các yêu cầu công việc trong tình hình mới. Xây dựng cơ chế lương/thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi.

- Tổ chức rà soát đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư, phân loại tài sản để kịp thời xử lý các tài sản xấu thu hồi vốn, bổ sung cho lĩnh vực kinh doanh chính trong thời gian tới là vận tải biển. Đồng thời, thực hiện tốt các công tác thanh lý tài sản theo đúng quy định của Pháp luật, của Công ty, đảm bảo việc thu hồi và bảo toàn vốn.
- Tích cực, chủ động tìm kiếm, phát triển thêm các lĩnh vực kinh doanh mới để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Tích cực thu hồi công nợ quá hạn và nợ phải thu khó đòi để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động SXKD; thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, nợ xấu.
- Cập nhật và thực hiện nghiêm túc các giải pháp ứng phó với dịch Covid-19 nhằm duy trì các hoạt động SXKD diễn ra liên tục nhưng vẫn đảm bảo an toàn sức khỏe của CBCNV.
- Rà soát sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định,... cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành.
- Xây dựng và chuẩn hóa môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp và xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty. Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phát động, đảm bảo việc làm, cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người lao động trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc: Phê duyệt Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021
và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

1. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22/9/2021 về việc thông qua các nội dung ĐHĐCĐ năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVtrans-PTT) và Nghị quyết số 23/NQ-VTDKĐD-HĐQT ngày 15/11/2021 của HĐQT Công ty PVTrans-PTT về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2021, PVTrans-PTT đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán đã hoàn thành (*Chi tiết đính kèm*).

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Pvtrans-PTT như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	150,000	179,940	119%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,000	4,572	45%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,000	3,845	48%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	5,535	8,018	144%
5	Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	166,575	-	

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Tuấn

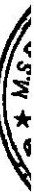
Deloitte.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hải Đăng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021)
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên (bổ nhiệm 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Lưu Mạnh Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2021)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Hoàng Trung Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2021)
Ông Vũ Hoài Nam	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Cơ	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

0112
ÔNG
TNP
'LOI
ỆT I
DA-

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 11 tháng 3 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3829-2021-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.230.409.004	81.891.856.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	78.196.648.941	53.795.624.511
1. Tiền	111		10.960.413.654	10.494.681.386
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.236.235.287	43.300.943.125
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.675.105.803	23.005.056.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.187.153.418	21.752.832.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		101.536.721	175.259.620
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.846.012.250	1.598.248.299
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.131.414.768)	(1.193.101.668)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	671.818.182
IV. Hàng tồn kho	140	8	26.275.791	91.268.978
1. Hàng tồn kho	141		26.275.791	91.268.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.332.378.469	1.499.906.260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	896.960.421	1.064.488.212
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		435.418.048	435.418.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.577.833.990	55.188.944.253
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.666.102.000	3.561.406.375
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	2.666.102.000	3.561.406.375
II. Tài sản cố định	220		33.128.204.007	51.411.302.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	33.128.204.007	51.411.302.891
- Nguyên giá	222		116.585.866.173	123.746.985.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.457.662.166)	(72.335.682.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		581.202.983	13.909.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	581.202.983	13.909.987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		136.808.242.994	137.080.800.729

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

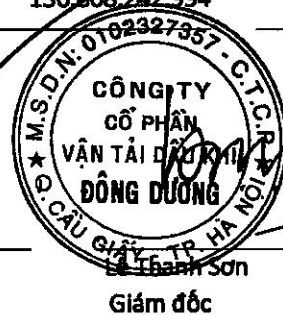
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.874.038.284	23.950.149.873
I. Nợ ngắn hạn	310		18.897.238.284	22.191.376.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	11.338.152.621	13.305.770.481
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	262.225.716	723.158.093
3. Phải trả người lao động	314		2.891.080.351	2.025.583.789
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.091.078.275	570.488.044
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		621.727.273	520.227.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.647.115.078	2.302.772.610
7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320		-	2.739.486.878
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.858.970	3.888.970
II. Nợ dài hạn	330		976.800.000	1.758.773.735
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	976.800.000	866.400.000
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338		-	892.373.735
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.934.204.710	113.130.650.856
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	116.934.204.710	113.130.650.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.074.377.249	3.674.377.249
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.859.827.461	9.456.273.607
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.303.607	8.616.877.695
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.845.523.854	839.395.912
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		136.808.242.994	137.080.800.729


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Đình Chính
Kế toán trưởng



Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	176.531.761.262	190.944.506.318
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		176.531.761.262	190.944.506.318
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	167.554.571.222	182.745.818.850
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.977.190.040	8.198.687.468
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.292.696.612	2.079.788.562
6. Chi phí tài chính	22		114.397.610	1.585.435.386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.397.610	1.585.435.386
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	7.676.121.682	8.086.186.308
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		3.479.367.360	606.854.336
9. Thu nhập khác	31	20	1.118.247.421	420.798.986
10. Chi phí khác	32		25.690.996	24.262.727
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.092.556.425	396.536.259
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.571.923.785	1.003.390.595
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	726.399.931	163.994.683
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.845.523.854	839.395.912
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	385	80


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Đình Chính
Kế toán trưởng


Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.571.923.785	1.003.390.595
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.356.320.812	20.832.805.105
Các khoản dự phòng	03	938.313.100	(649.754.902)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.401.853.085)	(2.468.587.548)
Chi phí lãi vay	06	114.397.610	1.585.435.386
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.579.102.222	20.303.288.636
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.278.127.304	4.934.716.854
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	64.993.187	731.589.646
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(591.902.530)	(2.185.199.222)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(399.765.205)	334.609.920
Tiền lãi vay đã trả	14	(114.397.610)	(1.585.435.386)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(620.718.377)	(1.006.579.592)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.223.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(2.871.974.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.195.438.991	22.878.016.856


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.035.934.545	23.938.352.744
2. Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn	23	(21.769.000.000)	-
3. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	25.269.000.000	10.000.000.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.301.511.507	2.079.906.069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.837.446.052	36.018.258.813
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.631.860.613)	(34.205.938.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.631.860.613)	(34.205.938.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	24.401.024.430	24.690.336.761
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.795.624.511	29.105.287.750
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	78.196.648.941	53.795.624.511


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Đình Chính
Kế toán trưởng




Lê Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 196 người (31 tháng 12 năm 2020: 208 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Do ảnh hưởng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, các thách thức đã đặt ra đối với tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động, quyền lợi và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty đang theo dõi và đánh giá kỹ lưỡng tác động có thể xảy ra của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty trong năm 2022.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê ngoài, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Tiền thuê ngoài và chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê ngoài và thời gian trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị chi phí sửa chữa văn Phòng và công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	88.076.652	204.322.037
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.872.337.002	10.290.359.349
Các khoản tương đương tiền	67.236.235.287	43.300.943.125
	<u>78.196.648.941</u>	<u>53.795.624.511</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,6%/năm đến 3,9%/năm (năm 2020: 3,4% đến 3,8%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.378.073.985	2.604.784.086
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sản xuất Kiệt Anh	871.647.245	871.647.245
ROSNEFT VIETNAM B.V	672.578.214	476.520.000
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Việt Nam)	26.759.850	133.080.000
Đối tượng khác	807.088.676	1.123.536.841
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 24)	17.809.079.433	19.148.048.208
	<u>20.187.153.418</u>	<u>21.752.832.294</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.846.012.250	1.598.248.299
Tạm ứng	851.560.110	722.734.910
Ký quỹ, ký cược	182.325.539	200.524.417
Khác	812.126.601	674.988.972
b. Dài hạn	2.666.102.000	3.561.406.375
Ký cược, ký quỹ	2.666.102.000	3.561.406.375
	<u>4.512.114.250</u>	<u>5.159.654.674</u>

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích	Giá gốc	Dự phòng đã trích
	VND	VND	VND	VND
Công nợ quá hạn	2.131.414.768	2.131.414.768	1.222.554.858	1.193.101.668
- Phải thu khách hàng	1.260.708.678	1.260.708.678	351.848.768	337.170.716
- Phải thu ngắn hạn khác	114.378.288	114.378.288	114.378.288	99.603.150
- Tài sản thiếu chờ xử lý	671.818.182	671.818.182	671.818.182	671.818.182
- Trả trước cho nhà cung cấp	84.509.620	84.509.620	84.509.620	84.509.620

Các khoản nợ xấu được trình bày ở trên có thời gian quá hạn trên 3 năm. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.275.791	-	91.268.978	-
	26.275.791	-	91.268.978	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	896.960.421	1.064.488.212
- Chi phí thuê ngoài	581.749.814	694.269.128
- Chi phí bảo hiểm	254.948.325	338.698.067
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	60.262.282	31.521.017
b. Dài hạn	581.202.983	13.909.987
- Chi phí sửa chữa văn phòng	471.896.319	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	109.306.664	13.909.987
	1.478.163.404	1.078.398.199

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	36.666.667	123.639.076.996	71.241.364	123.746.985.027
Thanh lý trong năm	-	(7.161.118.854)	-	(7.161.118.854)
Số dư cuối năm	36.666.667	116.477.958.142	71.241.364	116.585.866.173
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	36.666.667	72.227.774.105	71.241.364	72.335.682.136
Trích khấu hao trong năm	-	16.356.320.812	-	16.356.320.812
Thanh lý trong năm	-	(5.234.340.782)	-	(5.234.340.782)
Số dư cuối năm	36.666.667	83.349.754.135	71.241.364	83.457.662.166
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	51.411.302.891	-	51.411.302.891
Tại ngày cuối năm	-	33.128.204.007	-	33.128.204.007

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.916.832.499 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.087.200.172 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.125.452.851	11.125.452.851	13.162.428.181	13.162.428.181
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	1.348.783.840	1.348.783.840	1.949.969.183	1.949.969.183
Công Ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận Tải Vietrans	1.550.753.140	1.550.753.140	1.566.318.050	1.566.318.050
Các đối tượng khác	8.225.915.871	8.225.915.871	9.646.140.948	9.646.140.948
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 24)	212.699.770	212.699.770	143.342.300	143.342.300
	11.338.152.621	11.338.152.621	13.305.770.481	13.305.770.481

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	617.333.180	7.041.170.392	7.638.113.612	20.389.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.699.576	726.399.931	620.718.377	140.381.130
Các loại thuế khác	71.125.337	250.854.520	220.525.231	101.454.626
Cộng	723.158.093	8.018.424.843	8.479.357.220	262.225.716

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC, DÀI HẠN KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe, khách thuê xe, cổ tức phải trả cổ đông, kinh phí công đoàn.

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	1.465.819.249	11.193.528.749	112.659.347.998
Lợi nhuận trong năm	-	-	839.395.912	839.395.912
Phân phối quỹ	-	2.208.558.000	(2.576.651.054)	(368.093.054)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	3.674.377.249	9.456.273.607	113.130.650.856
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.845.523.854	3.845.523.854
Phân phối quỹ	-	9.400.000.000	(9.441.970.000)	(41.970.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	13.074.377.249	3.859.827.461	116.934.204.710

Theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2020, Công ty đã thực phân phối 9.400.000.000 VND cho Quỹ đầu tư phát triển và 41.970.000 VND cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	Cổ phiếu	Tỷ lệ	VND	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	48.670.000.000	4.867.000	48,67%	48.670.000.000	4.867.000	48,67%
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	20.254.000.000	2.025.400	20,25%	20.254.000.000	2.025.400	20,25%
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	1.000.000	10,00%	10.000.000.000	1.000.000	10,00%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	1.000.000	10,00%	10.000.000.000	1.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	11.076.000.000	1.107.600	11,08%	11.076.000.000	1.107.600	11,08%
	100.000.000.000	10.000.000	100%	100.000.000.000	10.000.000	100%

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô và kinh doanh hàng hóa. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải và hoạt động kinh doanh hàng hóa nêu trên.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, không có báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý cần phải soạn lập.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.531.761.262	190.944.506.318
Doanh thu bán hàng	34.911.912.000	38.437.370.780
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.619.849.262	152.507.135.538
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 24)</i>	<i>64.988.090.823</i>	<i>69.240.703.734</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.531.761.262	190.944.506.318

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.909.240.000	38.436.112.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	132.645.331.222	144.309.706.605
	167.554.571.222	182.745.818.850

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.907.278.326	15.758.955.598
Chi phí nhân công	38.298.731.564	38.454.568.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.356.320.812	20.832.805.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.529.553.904	73.052.658.881
Chi phí khác bằng tiền	4.229.568.298	4.296.904.774
	140.321.452.904	152.395.892.913

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.307.364.818	5.050.171.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.594.200.671	1.608.584.200
Chi phí khác	1.774.556.193	1.427.430.723
	7.676.121.682	8.086.186.308

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.109.156.473	388.798.986
Thu nhập khác	9.090.948	32.000.000
	1.118.247.421	420.798.986

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	4.571.923.785	1.003.390.595
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	616.647.244	168.000.000
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	616.647.244	168.000.000
Thu nhập chịu thuế	5.188.571.029	1.171.390.595
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.037.714.205	234.278.118
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	311.314.262	70.283.435
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	726.399.931	163.994.683

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.845.523.854	839.395.912
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	41.970.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.845.523.854	797.425.912
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	385	80

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính và trình bày lại trên cơ sở lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2020 (theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021). Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định lại là 80 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 84 VND/cổ phiếu).

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	55.274.735.818	56.883.003.986

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.333.898.908	46.380.353.973
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.506.989.818	7.042.106.059
	6.840.888.726	53.422.460.032

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

Cam kết đầu tư

Theo Nghị quyết số 124/VTDKĐD-TCHC ngày 22 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt dự án đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất đóng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, trọng tải khoảng 13.000 DWT với tổng mức đầu tư 166.574.500.000 VND (vốn vay chiếm không quá 65% giá mua tàu, còn lại là từ vốn chủ sở hữu). Tại thời điểm báo cáo tài chính này, dự án đầu tư này đang trong quá trình tìm kiếm đối tác để ký kết hợp đồng mua tàu.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
5	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
11	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
12	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
15	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	Cùng Tập đoàn
19	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Cùng Tập đoàn
20	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
21	Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	Cùng Tập đoàn
22	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
23	Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	Cùng Tập đoàn
24	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Tập đoàn
25	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Tập đoàn
26	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.988.090.823	69.240.703.734
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	24.114.792.801	28.222.863.335
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	10.218.629.978	11.536.490.392
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	7.300.700.968	6.676.771.394
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	4.069.734.500	5.464.094.250
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.910.903.000	3.795.965.591
Công ty cổ phần Hàng Hải Thăng Long	2.557.254.250	-
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ Phần	2.257.961.913	4.869.258.700
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.163.000.000	2.231.818.180
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.075.218.530	2.362.765.547
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.822.639.758	1.848.054.677
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	909.879.650	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	898.825.161	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	895.080.000	135.841.846
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	533.125.839	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	451.058.750	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	283.883.180	-
Công ty Cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn	251.982.000	1.207.814.326
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	219.824.000	676.650.496
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	35.454.545	211.565.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	18.142.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	750.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.570.512.921	40.155.448.090
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	18.534.855.000	38.436.112.245
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	1.846.305.730	1.330.719.939
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	388.382.788
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	189.352.191	233.118

Thù lao Hội đồng Quản trị, Thu nhập Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

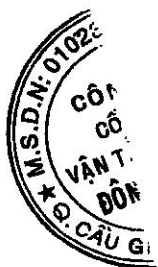
	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị		
Ông Lê Mạnh Tuấn	36.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Đức Hùng	24.000.000	12.000.000
Ông Hoàng Trung Hưng	18.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Huy Khánh	18.000.000	12.000.000
Ông Trần Hải Đăng	6.000.000	-
Ông Lưu Mạnh Thắng	6.000.000	-
Ông Phạm Anh Tuấn	-	36.000.000
Bà Vũ Thị Phương Nga	-	12.000.000
	132.000.000	120.000.000


	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Giám đốc		
Ông Lê Thanh Sơn	615.322.000	-
Ông Bùi Hữu Cơ	555.955.000	434.683.636
Ông Vũ Hoài Nam	521.139.686	410.592.616
Ông Nguyễn Quang Huy	-	531.680.000
Ông Phạm Hồng Chấn	-	393.294.544
	1.692.416.686	1.770.250.796

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Bá Nghị	13.500.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thế Dân	13.500.000	9.000.000
Bà Lê Thị Hải Yến	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Hưng	3.000.000	-
Bà Phan Thị Thu Hà	-	9.000.000
Ông Phan Xuân Sơn	-	6.000.000
	42.000.000	42.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:


	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu	17.809.079.433	19.148.048.208
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	2.960.386.141	3.868.302.008
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	1.221.032.266	724.416.957
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	1.104.149.506	588.121.210
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	540.198.054	620.327.180
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	396.000.000	198.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	394.900.000	37.708.000
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	264.602.198	264.602.198
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	90.112.950	102.850.000
Công ty Cổ phần Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	61.785.545	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	43.722.150	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Phương Nam	34.498.000	40.408.500
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	31.900.000	81.653.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	-	26.736.600
Các đối tượng khác	10.665.792.623	12.594.922.555
Phải trả	212.699.770	143.342.300
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	212.699.770	137.080.100
Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	-	6.262.200




 Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu


 Nguyễn Đình Chính
 Kế toán trưởng




 Lê Thanh Sơn
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa toàn thể Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định tại Điều lệ hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-VTDKĐD-BKS ngày 24/9/2021;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 về kết quả thẩm tra niên độ tài chính 2021 với các nội dung chính như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2021:

1. Về nhân sự: Ban kiểm soát của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên
 - Ông Nguyễn Thế Dân – Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 22/09/2021)
 - Ông Nguyễn Bá Nghị – Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 24/09/2021)
 - Ông Phạm Văn Hưng – Thành viên (Bầu ngày 22/09/2021)
 - Bà Lê Thị Hải Yên – Thành viên.
2. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2021 của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2021 theo các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2021.
3. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HDQT và Ban Điều hành.
4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát: Tổng thù lao của BKS phát sinh trong năm 2021 là 42.000.000 đồng. Trong đó: Ông Nguyễn Thế Dân được nhận 13.500.000 đồng, Ông Nguyễn Bá Nghị được nhận 13.500.000 đồng, Ông Phạm Văn Hưng được nhận 3.000.000 đồng và Bà Lê Thị Hải Yến được nhận 12.000.000 đồng; Về chi phí hoạt động và những lợi ích khác thì không phát sinh.

- Trong năm 2021, Ban Kiểm Soát đã tham gia không đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, vẫn duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không có điều kiện tổ chức các cuộc họp trực tiếp chỉ thực hiện bàn luận và tham khảo lấy ý kiến thông qua các phương tiện trực tuyến để đánh giá hoạt động kế toán, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2021.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

- Ban Kiểm Soát đánh giá cao việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam làm công ty kiểm toán. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

- Các chỉ số về tài chính đều đạt mức an toàn, tuy nhiên cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng đồng vốn của Công ty.

- Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông dựa trên cơ sở BCTC đã được kiểm toán là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty liên quan. Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2021:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	31/12/2021	So với 31/12/2020
I. Tổng tài sản	136,8	-0,2%
1. Tài sản ngắn hạn	100	23,39%
2. Tài sản dài hạn	36,5	-33,72%
II. Tổng nguồn vốn	136,8	-0,2%
1. Nợ phải trả	19,87	-17,00%
2. Vốn chủ sở hữu	116,9	3,36%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 136,8 tỷ

đồng, giảm nhẹ 0,2% (tương đương giảm 0,27 tỷ đồng) so với năm 2020, nguyên nhân giảm chủ yếu do giảm tài sản phương tiện vận tải (xe VP) do thanh lý với mục đích tái cơ cấu lại hoạt động của Công ty.

–Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 116,93 tỷ đồng, tăng 3,36% (tương đương tăng 3,8 tỷ đồng) so với năm 2020, nguyên nhân tăng chủ yếu là do được bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021.

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

- Trong năm 2021, Ban Kiểm Soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- Đa số các loại hình hoạt động SXKD của Công ty đều có hiệu quả, về cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính về kế hoạch SXKD. Doanh thu ước đạt 176,5 tỷ/160 tỷ bằng 110% so với kế hoạch mặc dù lĩnh vực vận tải tàu biển chưa triển khai. Lợi nhuận trước thuế đạt 4,57 tỷ đồng/5 tỷ đồng đạt 91,4% so với kế hoạch, tuy nhiên trong năm công ty có trích dự phòng nợ khó đòi của giai đoạn trước khoảng 436 triệu đồng. Như vậy, về cơ bản công ty hoàn thành cả các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

- Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty:

- Công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động SXKD thực hiện hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ/ HĐQT giao.

- Công tác điều hành, quản lý, quản trị đã được cải tiến nhằm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình SXKD của Công ty.

- Công tác lao động, nhân sự được Công ty coi trọng, thu nhập của Người lao động ở mức trung bình và ổn định.

4. Về giám sát công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng Quản trị:

- HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về mặt tài chính mà ĐHĐCĐ đã giao trong năm 2021. Các nhiệm vụ khác đều đã được triển khai theo đúng kế hoạch. Kế hoạch đầu tư tàu dầu/hóa chất 13K đang được triển khai.

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

b. Ban Điều hành

- Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã rất cố gắng thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

- Báo cáo của Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021. Các quyết định trong điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc đều phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ cũng như các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động giám sát HĐQT & Ban điều hành

- Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định hiện hành.

- Ban kiểm soát Công ty cũng đã có đóng góp, hỗ trợ cho HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc kiểm soát rủi ro cũng như trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của Tổng Công ty.

6. Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cổ đông:

- Trong năm 2021 sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc được thực hiện tốt.

- HĐQT và BGD cũng như các Phòng Ban chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho Ban kiểm soát để BKS có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

III. Kết luận và kiến nghị

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành một số vấn đề như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có.
- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư tàu dầu/hóa chất 13K đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và

sớm đưa vào khai thác.

- Tập trung phát triển dự án chiến lược, dài hạn về vận tải tại các thị trường trong nước, cũng như mở rộng hơn nữa sang những thị trường tiềm năng khác ở bên ngoài;
- Có chiến lược đầu tư phương tiện vận tải kịp thời, thích hợp, đồng thời thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

IV. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu năm 2022, Ban Kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty quy định như sau:

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các Chi nhánh thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban kiểm soát;
- Thực hiện giám sát Công ty một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông quan, soát xét Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm;
- Đảm bảo đại diện Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích cổ đông;
- Tiếp tục bám sát và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS theo Luật định. Triển khai giám sát công tác đầu tư, chi phí hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định và mang lại hiệu quả;
- Rà soát số liệu BCTC để đảm bảo báo cáo mang tính minh bạch và khách quan. Giám sát tình hình tài chính, vốn kinh doanh và tình hình gia tăng đồng vốn của Công ty;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;
- Nắm bắt các cơ chế, chính sách đã ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao nhất, không ngừng nâng cao hơn nữa lợi ích chính đáng của Cổ đông.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2021, kế hoạch và phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Bá Nghị

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Căn cứ tình hình thị trường và năng lực của đơn vị, Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2022 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	215,000
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	210,000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,000
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	13,674

2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư

TT	Nội dung	Giá trị đầu tư (Triệu USD)	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)
I	Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt trong năm 2021		
1	Dự án đầu tư tàu chở dầu/ hoá chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22/9/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)	7,088	166,575
II	Nguồn vốn		
1	Vốn chủ sở hữu	2,875	67,575
2	Vốn vay ngân hàng	4,213	99,000

Ghi chú: - Tỷ giá kế hoạch: 1USD = 23.500VNĐ

- Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư (nếu cần) cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	2	3	4
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	215,000
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	207,854
1.1	LV Vận tải biển	Tr.đồng	81,093
-	<i>KD khai thác tàu đầu tư</i>	Tr.đồng	48,656
-	<i>Kinh doanh khai thác tàu Bareboat</i>	Tr.đồng	32,437
1.2	LV cho thuê xe VP	Tr.đồng	110,812
-	<i>Cho thuê xe VPHN</i>	Tr.đồng	7,789
-	<i>Cho thuê xe VPHCM</i>	Tr.đồng	103,023
1.3	LV Vận tải ĐK & cho thuê bồn chứa CNG	Tr.đồng	15,949
-	<i>Vận chuyển dầu kéo CNG</i>	Tr.đồng	5,794
-	<i>Cho thuê bồn CNG</i>	Tr.đồng	10,155
2	Từ dịch vụ thương mại và lĩnh vực khác	Tr.đồng	5,406
3	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	200
4	Thu nhập khác	Tr.đồng	1,540
	<i>- Trong đó: thu từ thanh lý TSCĐ</i>	Tr.đồng	1,540
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	210,000
II.1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	195,267
1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	190,837
1.1	LV Vận tải biển	Tr.đồng	69,229
-	<i>KD khai thác tàu đầu tư</i>	Tr.đồng	39,417
-	<i>Kinh doanh khai thác tàu Bareboat</i>	Tr.đồng	29,812
1.2	LV cho thuê xe VP	Tr.đồng	107,094
-	<i>Cho thuê xe VPHN</i>	Tr.đồng	7,221
-	<i>Cho thuê xe VPHCM</i>	Tr.đồng	99,873
1.3	LV Vận tải ĐK & cho thuê bồn chứa CNG	Tr.đồng	14,514
	<i>Vận chuyển dầu kéo CNG</i>	Tr.đồng	5,060
	<i>Cho thuê bồn CNG</i>	Tr.đồng	9,454
2	Dịch vụ thương mại và lĩnh vực khác	Tr.đồng	4,430
3	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	5,985
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	8,748
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5,000
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4,000
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	13,674

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
-----	----------	----------------	-------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương;

Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (Đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.859.827.461
	Năm trước để lại		14.303.607
	Năm báo cáo (2021)		3.845.523.854
2	Phân phối lợi nhuận		3.800.000.000
-	Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	5%	200.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển		3.400.000.000
-	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	5%	200.000.000
-	Chia cổ tức		-
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		59.827.416

- Lý do xin không chia cổ tức: nhằm đảm bảo nguồn vốn và dòng tiền thực hiện kế hoạch đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans PTT);

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và sau khi xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán uy tín được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị niêm yết năm 2022 theo danh sách công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ban Kiểm soát Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của PVTrans PTT trong năm 2022, cụ thể:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2022 theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, HĐQT, BKS

Nguyễn Bá Nghị

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua:

1. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2021:

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông PVTrans-PTT về kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2021, PVTrans-PTT báo cáo tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:

- + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
- + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

Mức chi trên là phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ năm 2021 phê duyệt.

- Tổng số tiền thù lao của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, Kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2021 là: 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:

Công ty xây dựng kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2022 trên Quy chế trả lương, trả thưởng của Pvtrans-PTT, chế độ chính sách và các văn bản hướng dẫn khác của Công ty như sau:

- Thù lao kiêm nhiệm:

- + Chủ tịch HĐQT : 4.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/tháng
- + Kiểm soát viên : 1.500.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, Kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2022 dự kiến: 288.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng).

Tiền lương, tiền thưởng của các Thành viên trong HĐQT, BKS chuyên trách (nếu có): Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của PVTrans-PTT, chế độ chính sách và các văn bản hướng dẫn khác của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về việc: Thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng
của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 22/9/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2021.

Giám đốc Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch 2022 như sau:

1. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2021:

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Pvtrans-PTT về kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2021, PVTrans-PTT đã thực hiện chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:

+ Chủ tịch HĐQT	: 3.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên HĐQT	: 2.000.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban kiểm soát	: 1.500.000 đồng/tháng
+ Kiểm soát viên	: 1.000.000 đồng/người/tháng

Mức chi trên là phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ năm 2021 phê duyệt.

- Tổng số tiền thù lao của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, Kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2021 là: 174.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tư triệu đồng*).

2. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2022:

Công ty xây dựng kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2022 trên Quy chế trả lương, trả thưởng của PVTrans-PTT, chế độ chính sách và các văn bản hướng dẫn khác của Công ty như sau:

- Thù lao kiêm nhiệm:

+ Chủ tịch HĐQT	: 4.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên HĐQT	: 3.000.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban kiểm soát	: 2.000.000 đồng/tháng
+ Kiểm soát viên	: 1.500.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, Kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2022 dự kiến: 288.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu đồng*).

Tiền lương, tiền thưởng của các Thành viên trong HĐQT, BKS chuyên trách (nếu có): Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của PVTrans-PTT, chế độ chính sách và các văn bản hướng dẫn khác của Công ty.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Sơn